TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2018/DS-PT
Ngày: 29/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Đặng Huyền Phương**

2. Bà **Trịnh Thị Ánh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Anh Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2018/TLPT-DS ngày 15/3/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1340/2018/QĐ-PT ngày 27/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 2327/2018/QĐ-PT ngày 16/4/2018 và số 3251/2018/QĐ-PT ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1943 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trần Kim H, sinh năm 1963
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M:
1. Luật sư Nguyễn Kiều H1
2. Luật sư Trần Đăng S

Bị đơn: Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi cư trú cuối cùng: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Kim H2, sinh năm 1954 (vắng mặt)
2. Bà Trần Liễu A1, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của ông H1 và bà A1: Bà Trần Thị Nguyệt N, sinh năm 1963 (xin vắng)
Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn Q (xin vắng).

4. Ủy ban nhân dân phường An Lợi Đông, Quận 2.
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Linh N1 (xin vắng)

5. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công Ích Quận C.
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh A2 (xin vắng)

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2005 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/5/2016, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị M là chủ sử dụng đối với phần đất diện tích 1.338m^2 thuộc thửa 3185, tờ bản đồ số X, phường Y, Quận C đã được Ủy ban nhân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành Q 210942, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 00720 QSDĐ/Q1 ngày 02/4/2001. Tại thửa đất trên, có căn nhà A, phường Y, Quận C.

Do không có nhu cầu sử dụng phần đất nông nghiệp, bà M đã chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị A, việc chuyển nhượng chỉ lập giấy tay. Sau đó, theo yêu cầu của bà A, bà M đã ký tên chuyển nhượng sang cho ông Vũ Kim H1. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H khẳng định bà M không chuyển nhượng căn nhà số B, phường Y, Quận C cho bà A hay ông H1. Việc Uỷ ban nhân dân Quận C bồi thường cho ông Vũ Kim H1 là trái quy định của phháp luật vì vào thời điểm này, bà M đang tranh chấp với bà A tại Toà án.

Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền yêu cầu Toà án giải quyết:
- Huỷ các quyết định cá biệt của Uỷ ban nhân dân Quận C;
- Huỷ bố các giao dịch lập ngày 15/7/1999; 03/6, 21/4 và 21/5/2001 vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn bà Phạm Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Khoảng năm 2001, bà có mua của bà Nguyễn Thị M một nền đất nông nghiệp và một nền nhà có diện tích khoảng 1.300m^2 tại phường Y, Quận C với giá 160.000.000 đồng, bà M đã nhận tiền và bà đã nhận nhà, đất và toàn bộ bản chính giấy tờ. Sau đó, vì kẹt tiền nên bà đã bán lại cho ông Vũ Kim H1. Theo yêu cầu của ông H1, bà đã dẫn đến gặp bà M nói chuyện và bà M đã ký tên chuyển nhượng sang cho ông H1 và bà N. Bà không chấp nhận yêu cầu của bà M huỷ các hợp đồng mua bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Kim H1 và bà Trần Liễu A1 có bà Trần Thị Nguyệt N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Vũ Kim H1 và bà là người trực tiếp nhận chuyển nhượng 1.338m^2 đất nông nghiệp và khoảng 300m^2 đất có căn nhà số B, phường Y, Quận C từ ba M thông qua bà Phạm Thị A. Phần đất nông nghiệp đã có Giấy chứng nhận nên sau khi hai bên ký hợp đồng mua bán đã được Uỷ ban nhân phường Y, Phòng Quản lý đô thị và Uỷ ban nhân dân Quận C xác nhận và cập nhật sang tên cho ông H1. Riêng phần đất có căn nhà số B, phường Y, Quận C vì chưa được cấp giấy chủ quyền nên không thể mua bán được, bà M nói đã được kê khai nhà – đất theo Quyết định 3376, để tạo điều kiện và thuận lợi cho ông H1 về sau, bà M ký hợp đồng chuyển nhượng nhà ở, đất ở vào ngày 15/7/1999; Đồng thời, bà M ký Đơn xin chuyển tên chủ sử dụng nhà ở, đất ở sang cho ông H1.

Từ năm 2002, ông H1 đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Khi biết việc Uỷ ban nhân dân Quận C bồi thường cho bà M, ông H1 đã khiếu và được Uỷ ban nhân dân Quận C huỷ bồi thường của bà M đề bồi thường cho ông H1.

Nay tại Tòa, bà N đề nghị Toà án bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận C có ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản tự khai trình bày:

Căn nhà, đất số B, phường Y, Quận C có tổng diện tích là 1.607,81m^2 nằm trong ranh thu hồi đất Khu đô thị mới T theo Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/7/2009, Ủy ban nhân dân phường Y có giấy xác nhận pháp lý số 450/UBND-XN, theo đó ông Vũ Kim H1 được sử dụng diện tích 1.338 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 245,21m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận. Nhà do bà M tự cất và ở từ năm 1965, đến năm 1999, ông H1 mua lại tòa

bộ khuôn viên trên và từ đó đến nay căn nhà trên bỏ trống, không ai sử dụng. Khoảng năm 2001, căn nhà trên sập đổ.

Ngày 07/12/2009, Uỷ ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 17182/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư đối với ông H1 số tiền 250.851.200 đồng; về tái định cư: bố trí căn hộ chung cư 68,149m^2.

Ngày 09/01/2012, Uỷ ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND điều chỉnh giải tỏa với tổng số tiền 618.668.000 đồng; về tái định cư: được bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư đối với đất ở diện tích 200m^2 và được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư đối với đất nông nghiệp với diện tích tiêu chuẩn 63,35145m^2. Ông H1 đã nhận toàn bộ số tiền trên.

Ngày 16/10/2015, Uỷ ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 4340/QĐ-UBND về bố trí định cư căn hộ chung cư cho ông H1.

Ngày 21/01/2016, Uỷ ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND về bố trí định cư nền đất cho ông H1.

Liên quan đến khởi kiện tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M đối với căn nhà B, phường Y, Quận C , Tòa án Thành phố đã có Bản án 1377/2009/HC-PT ngày 03/8/2009 công nhận việc giải quyết bồi thường cho ông H1 là đúng theo quy định pháp luật.

Việc tranh chấp mua bán nhà, đất giữa bà M và bà A là giao dịch dân sự nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Y có ông Nguyễn Linh N1 đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản tự khai trình bày:

Căn nhà, đất số B, phường Y, Quận C do bà Nguyễn Thị M là chủ sử dụng. Bà M có thực hiện kê khai nhà đất theo Quyết định 3376, diện tích toàn bộ khuôn viên 1.200m^2, diện tích xây dựng 60m^2, kết cấu: mái tôn, vách tôn - vách lá, cột gỗ, nền đất, có nguồn gốc do cha mẹ bà M tạo lập xây dựng trước 1965, đến năm 1965 để lại cho bà M sử dụng.

Ngày 15/7/1999, bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho ông Vũ Kim H1 một lô đất ở diện tích khuôn viên 300 m^2 trong đó diện tích xây dựng 150m^2 (ngang 10m, dài 15m). Sau đó, bà M làm đơn xin chuyển tên chủ sử dụng nhà ở, đất ở (không ghi ngày tháng) với nội dung"chuyển căn nhà trên cho ông Vũ Kim H1, tôi xin rút tên trong hồ sơ đã đăng ký và thay đổi chủ sử dụng mới là ông Vũ Kim H1.

Ngày 21/4/2001, bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Phạm Thị A, diện tích 1.338 m^2 không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 21/5/2001, bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng cho ông Vũ Kim H1 phần đất diện tích 1.338 m^2 thuộc thửa 3185, được Uỷ ban nhân dân Quận 2 xác nhận và cập nhật sang tên ông H1 vào ngày 31/5/2001.

Ngày 03/6/2001, bà Nguyễn Thị M lập giấy tay chuyển nhượng cho ông Vũ Kim H1 toàn bộ số đất (trong đó có đất thổ cư) bán theo giấy chứng nhận số 210942 ngày 28/3/2001 của Uỷ ban nhân dân Quận C, cộng phần đất đã đăng ký theo Chỉ thị 3367 có sự chứng kiến của bà Phạm Thị A.

Ngày 09/01/2012, Uỷ ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Vũ Kim H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH Một thành viên Công ích Quận C có ông Trần Thanh A2 đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản tự khai trình bày:

Ông Vũ Kim H1 đã nhận căn hộ tái định cư số D, phường R, Quận C theo Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 và nền đất số M28, M29, Lô M thuộc khu N, phường G, Quận C theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 21/01/2016.

Ngày 07/5/2016, Uỷ ban nhân dân Quận C đồng ý tạm ngưng lập thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với căn hộ và 02 nền đất trên cho đến khi có bản án của Tòa án về giải quyết tranh chấp Hợp đồng mua bán nhà giữa bà Nguyễn Thị M và bà Phạm Thị A. Do đó, Công ty Công ích Quận C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy giao dịch ngày 21/5/2001, giữa bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Kim H1, vì đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án số 1377/2009/HC-PT ngày 03/8/2009 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy các giao dịch dân sự ngày 15/7/1999, 03/6/2001, Đơn xin chuyển tên chủ sử dụng nhà ở, đất ở không ghi ngày, tháng, năm và yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân quận C.

3. Huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân quận V. Bà Nguyễn Thị M liên

hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ, số X, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, theo Quyết định số 04/2016/QĐ-BPBĐ ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân quận C và chứng từ giao dịch số 06280093000001 ngày 28/6/2016.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Kim H1 và bà Trần Liễu A1 chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 07/02/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Ông H đại diện bà M yêu cầu sửa án sơ thẩm: hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà giữa bà M với bà A, ông H1 hủy tất cả các quyết định hành chính cá biệt của Ủy ban nhân dân Quận C có liên quan đến việc lập hồ sơ đền bù giải tỏa nhà đất số B, phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H1 do bà M bị bà A lừa dối ký các hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho ông H1.

Bà N đại diện ông H1 và bà A1 xin vắng mặt, có yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Những người khác vắng mặt và xin vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, sửa án sơ thẩm, với căn cứ bà M chỉ chuyển nhượng đất nông nghiệp cho bà A, bà A lừa bà M ký các giấy tờ chuyển nhượng cả nhà và đất cho ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn và tống đạt hợp lệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng họ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo luật định.

Xét kháng cáo của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 15/7/1999 và M ký giấy tay chuyển nhượng toàn bộ diện tích nhà đất 300m^2 cho ông H1 và sau đó làm đơn xin chuyển tên chủ sử dụng nhà ở đất ở cho ông H1.

Ngày 21/5/2001 bà M ký chuyển nhượng cho ông H1 diện tích đất nông nghiệp 1.338m^2 thuộc thửa 3185 và đã cập nhật sang tên ông H1 ngày 31/5/2001.

Ngày 03/6/2001 bà M lập giấy tay chuyển nhượng cho ông H1 toàn bộ số đất (trong đó có đất thổ cư) gồm phần đất 1.338m^2 và phần nhà đất số B, phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng ký theo chỉ thị 3367 năm 1999.

Ông H1 đã giao đủ tiền và nhận nhà đất sử dụng. Sau đó do phần đất nông nghiệp và nhà đất trên nằm trong quy hoạch giải tỏa nên ông H1 đã nhận tiền đền bù tái định cư, giao nhà đất trên cho cơ quan có thẩm quyền.

Bà M đã khởi kiện hành chính từ năm 2006 yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1238/QĐ-UB ngày 13/5/2006 của Ủy ban nhân dân Quận C về việc bồi thường cho ông H1.

Bản án số 01/2008/HC-ST ngày 25/3/2008 của Tòa án nhân dân Quận C và bản án số 1377/2009/HC-PT ngày 03/8/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử bác yêu cầu của bà M.

Do vậy Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà M là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với nhà đất số B, phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bà M cũng đã định đoạt chuyển nhượng cho ông H1 theo các giấy tay ngày 15/7/1999 và ngày 03/6/2001.

Bà M không có chứng cứ chứng minh chỉ giao dịch với bà A đất nông nghiệp mà bị bà A lừa dối ký chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho ông H1. Do vậy việc bà M yêu cầu hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận C sau ngày 03/8/2009 liên quan đến việc đền bù giải tỏa, tái định cư đối với nhà đất trên cho ông H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tòa sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng pháp luật, bà M kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên kháng cáo của bà M và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà M không được chấp nhận. Cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: bà M được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 418 và 705 Bộ luật dân sự 1995;

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.
Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy giao dịch ngày 21/5/2001, giữa bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Kim H1, vì đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án số 1377/2009/HC-PT ngày 03/8/2009 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy các giao dịch dân sự ngày 15/7/1999, 03/6/2001, Đơn xin chuyển tên chủ sử dụng nhà ở, đất ở không ghi ngày, tháng, năm và yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân Quận C.

3. Huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân Quận C.

Bà Nguyễn Thị M liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ, số, phường R, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, theo Quyết định số 04/2016/QĐ-BPBĐ ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân Quận C và chứng từ giao dịch số 06280093000001 ngày 28/6/2016.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Kim H1 và bà Trần Liễu A1 chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M được miễn.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.605.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 003147 ngày 13/10/2005 của Thi hành án dân sự Quận C.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M được miễn.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Xuân Trang